

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Bá Phúc
Ông Nguyễn Chí Thành
Ông Nguyễn Quốc Trường
Ông Nguyễn Trung Kiên
Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Sakchai Patiparnpreechavud

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trường
Ông Nguyễn Trung Kiên
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 05 tháng 8 năm 2014

Số: 205 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 25. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kết quả công tác soát xét đề ngày 12 tháng 8 năm 2013. Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 14 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 05 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0771-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.103.793.886.468	916.782.008.290
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	65.221.766.081	28.358.559.677
1. Tiền	111		22.721.766.081	13.358.559.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.500.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		709.876.478.034	518.916.282.115
1. Phải thu khách hàng	131	5	576.601.541.827	445.178.808.165
2. Trả trước cho người bán	132		65.795.499.849	13.736.847.743
3. Các khoản phải thu khác	135	6	83.911.785.609	76.432.975.458
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.432.349.251)	(16.432.349.251)
III. Hàng tồn kho	140	7	325.595.989.117	365.991.953.858
1. Hàng tồn kho	141		326.540.320.065	366.936.284.806
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(944.330.948)	(944.330.948)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.099.653.236	3.515.212.640
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.024.546.557	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		823.421.818	2.640.876.723
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.251.684.861	874.335.917
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		943.594.112.533	873.752.733.222
I. Tài sản cố định	220		710.227.008.177	650.884.774.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	498.356.317.722	505.357.089.646
- Nguyên giá	222		873.260.823.297	844.379.363.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(374.904.505.575)	(339.022.273.593)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	34.919.383.576	33.598.864.660
- Nguyên giá	228		35.910.974.946	34.179.267.316
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(991.591.370)	(580.402.656)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	176.951.306.879	111.928.819.957
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		200.119.715.766	200.119.715.766
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	120.000.000.000	120.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12	80.195.883.000	80.195.883.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.600.000.000	1.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(1.676.167.234)	(1.676.167.234)
III. Tài sản dài hạn khác	260		33.247.388.590	22.748.243.193
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	33.247.388.590	22.748.243.193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.047.387.999.001	1.790.534.741.512

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		774.469.563.122	581.172.157.491
I. Nợ ngắn hạn	310		774.469.563.122	581.172.157.491
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	590.242.660.746	366.450.255.227
2. Phải trả người bán	312		77.491.929.130	80.311.318.937
3. Người mua trả tiền trước	313		1.297.351.408	1.290.881.644
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	16.627.482.852	36.084.221.270
5. Phải trả người lao động	315		13.570.226.463	28.032.659.372
6. Chi phí phải trả	316	16	57.545.094.487	53.323.827.080
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	13.417.123.732	11.892.549.374
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.277.694.304	3.786.444.587
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.272.918.435.879	1.209.362.584.021
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.272.918.435.879	1.209.362.584.021
1. Vốn cổ phần	411		563.393.948.000	433.379.960.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		467.150.115.939	483.745.809.343
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		56.339.394.800	43.337.996.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		186.034.977.140	248.898.818.678
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.047.387.999.001	1.790.534.741.512

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

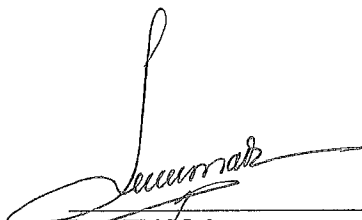
30/6/2014

31/12/2013

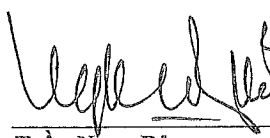
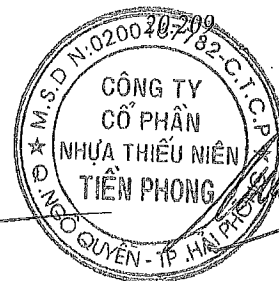
1. Ngoại tệ các loại

- USD

10.678


Lưu Thị Mai
Người lập biểu

Ngày 05 tháng 8 năm 2014


Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởngNguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

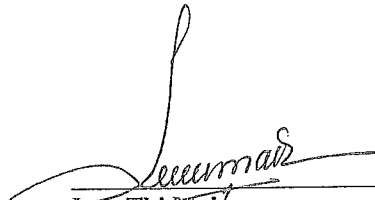
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

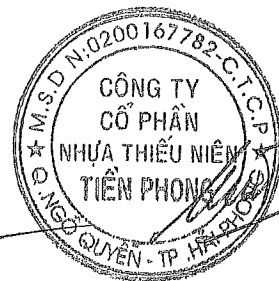
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng	01		1.402.216.917.553	1.259.957.852.578
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.714.926.434	2.120.865.709
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	19	1.399.501.991.119	1.257.836.986.869
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.028.419.887.754	797.325.462.134
5. Lợi nhuận gộp bán hàng (20=10-11)	20		371.082.103.365	460.511.524.735
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	51.594.006.629	1.940.819.319
7. Chi phí tài chính	22	23	15.193.295.048	11.101.383.053
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.916.806.766	9.048.922.061
8. Chi phí bán hàng	24		181.252.727.640	193.462.423.962
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.475.386.569	47.719.227.836
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		180.754.700.737	210.169.309.203
11. Thu nhập khác	31		171.358.332	381.861.781
12. Chi phí khác	32		678.847.479	199.512.566
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(507.489.147)	182.349.215
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		180.247.211.590	210.351.658.418
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	28.642.569.247	52.587.914.605
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		151.604.642.343	157.763.743.813


Lưu Thị Mai/
Người lập biểu


Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

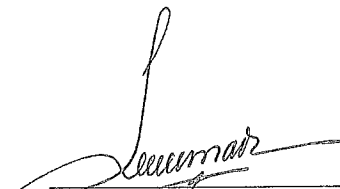
Ngày 05 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

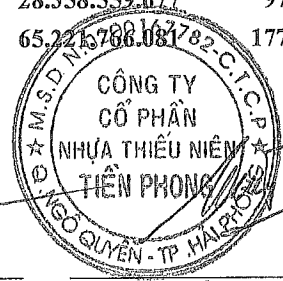
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	180.247.211.590	210.351.658.418
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.618.361.906	32.828.018.821
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(51.518.179.476)	(1.696.412.952)
Chi phí lãi vay	06	14.916.806.766	9.048.922.061
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	180.264.200.786	250.532.186.348
Thay đổi các khoản phải thu	09	(106.568.755.059)	63.837.995.027
Thay đổi hàng tồn kho	10	40.395.964.741	(21.420.017.984)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(32.733.737.557)	70.242.324.562
Thay đổi chi phí trả trước	12	(10.499.145.397)	4.623.716.399
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.735.593.045)	(8.854.751.952)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(38.903.467.570)	(48.093.657.555)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(18.313.365.569)	(15.164.481.578)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.093.898.670)	295.703.313.267
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(122.292.770.908)	(86.198.085.479)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(86.880.000.000)
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.464.464.463	1.717.393.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(120.828.306.445)	(171.360.691.736)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	889.292.647.107	606.966.664.359
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(665.500.241.588)	(564.605.062.441)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(65.006.994.000)	(86.675.992.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	158.785.411.519	(44.314.390.082)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	36.863.206.404	80.028.231.449
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.358.559.677	97.373.119.966
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	65.221.766.081	177.401.351.415


Lưu Thị Mai
Người lập biểu


Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công thương.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NTP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.137 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.197 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, xây nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, xây dựng trung tâm thương mại, xây dựng chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 - 45 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá giá trị đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá giá trị đầu tư (nếu có).

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản giảm giá giá trị đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm, và tiền thuê đất được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	429.236.932	490.881.581
Tiền gửi ngân hàng	22.292.529.149	12.867.678.096
Các khoản tương đương tiền	42.500.000.000	15.000.000.000
	<u>65.221.766.081</u>	<u>28.358.559.677</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nhóm các trung tâm bán hàng trả chậm	464.344.465.396	397.332.213.056
Nhóm các công ty liên doanh liên kết	88.299.956.003	24.709.672.558
Nhóm các công ty khác	23.957.120.428	23.136.922.551
	<u>576.601.541.827</u>	<u>445.178.808.165</u>

6. CÁC PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu công ty con (*)	82.289.302.244	74.652.708.439
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	163.934.592	343.459.976
Phải thu khác	1.458.548.773	1.436.807.043
	<u>83.911.785.609</u>	<u>76.432.975.458</u>

(*) Đây là khoản phải thu từ việc bán hàng hóa, nguyên vật liệu, tài sản cố định và phải thu lợi nhuận đối với Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung - công ty con của Công ty.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	39.836.931.296	38.893.460.214
Nguyên liệu, vật liệu	130.314.650.308	187.072.558.438
Công cụ, dụng cụ	3.721.909.529	3.508.030.195
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	36.807.492.063	31.577.662.926
Thành phẩm	115.859.336.869	105.884.573.033
	<u>326.540.320.065</u>	<u>366.936.284.806</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(944.330.948)</u>	<u>(944.330.948)</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>325.595.989.117</u>	<u>365.991.953.858</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 325.596 triệu VND để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (31 tháng 12 năm 2013: 365.992 triệu VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	409.053.262.744	378.386.634.332	47.935.626.188	9.003.839.975	844.379.363.239
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.212.007.448	11.755.160.159	68.005.000	821.111.091	29.856.283.698
Giảm khác	-	(974.823.640)	-	-	(974.823.640)
Tại ngày 30/6/2014	426.265.270.192	389.166.970.851	48.003.631.188	9.824.951.066	873.260.823.297
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	65.794.246.740	250.567.993.930	17.389.463.822	5.270.569.101	339.022.273.593
Khấu hao trong kỳ	15.945.601.373	16.284.202.424	3.299.241.956	678.127.439	36.207.173.192
Giảm khác	-	(324.941.210)	-	-	(324.941.210)
Tại ngày 30/6/2014	81.739.848.113	266.527.255.144	20.688.705.778	5.948.696.540	374.904.505.575
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	344.525.422.079	122.639.715.707	27.314.925.410	3.876.254.526	498.356.317.722
Tại ngày 01/01/2014	343.259.016.004	127.818.640.402	30.546.162.366	3.733.270.874	505.357.089.646

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 873.261 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 844.739 triệu VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 193.325 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 192.659 triệu VND).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	34.179.267.316
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.731.707.630
Tại ngày 30/6/2014	35.910.974.946
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	580.402.656
Khấu hao trong kỳ	411.188.714
Tại ngày 30/6/2014	991.591.370
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2014	34.919.383.576
Tại ngày 01/01/2014	33.598.864.660

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 khoảng 34.179 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 34.179 triệu VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	111.928.819.957	122.210.376.075
Tăng trong kỳ/năm	98.381.906.250	208.717.491.104
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(29.856.283.698)	(124.475.148.685)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.731.707.630)	(34.179.267.316)
Giảm khác	(1.771.428.000)	(60.344.631.221)
Số dư cuối kỳ	176.951.306.879	111.928.819.957

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	168.770.008.163	102.819.366.580
Dự án số 02 An Đà (*)	6.887.625.794	6.735.525.794
Các công trình khác	1.293.672.922	2.373.927.583
	176.951.306.879	111.928.819.957

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp công trình xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 176.951 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 111.929 triệu VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

(*) Theo các Công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 01 năm 2008 và số 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng, Công ty được phép phát triển một tổ hợp tòa nhà bao gồm các căn hộ chung cư và văn phòng cho thuê tại số 02 An Đà, phường Lạch Tray, thành phố Hải Phòng. Ngày 22 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 1018/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 và thiết kế của Dự án, theo đó Công ty sẽ có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo của Dự án theo quy định. Sau 01 năm, nếu Công ty không triển khai thực hiện, Ủy ban Nhân dân thành phố sẽ xem xét, thu hồi giao cho đơn vị khác có nhu cầu và năng lực thực hiện Dự án theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	31/12/2013	
				30/6/2014	VND Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	Tỉnh Nghệ An	100	100	120.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa cho dân dụng và công nghiệp
				<u>120.000.000.000</u>	<u>120.000.000.000</u>

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	31/12/2013	
				30/6/2014	VND Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Tỉnh Bình Dương	37,78	37,78	51.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa cho dân dụng và công nghiệp
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Thành phố Hải Phòng	49,98	49,98	5.397.000.000	Sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và sản phẩm nhựa khác
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (*)	Thành phố Viêng Chăn- Lào	51,00	51,00	23.798.883.000	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ tùng và các sản phẩm nhựa khác
				<u>80.195.883.000</u>	<u>80.195.883.000</u>
				(1.676.167.234)	(1.676.167.234)
				<u>78.519.715.766</u>	<u>78.519.715.766</u>

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP

Giá trị thuần của khoản đầu tư dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

(*) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (“Công ty liên doanh”) được thành lập theo Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17/4/2008 giữa hai bên là Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP (“Công ty SMP”) và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.

Ngày 15 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn chủ sở hữu tại Công ty liên doanh với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại PPS (“Công ty PPS”), theo đó Công ty sẽ bán toàn bộ phần vốn Công ty đang nắm giữ tại Công ty liên doanh cho Công ty PPS với số tiền là 1.275.000 USD. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, giao dịch này chưa được thực hiện.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	24.993.830.595	14.727.812.124
Chi phí sửa chữa tài sản lớn	848.079.639	1.366.960.631
Phí tư vấn thương hiệu	3.651.812.500	5.155.500.000
Chi phí thuê đất tại Dương Kinh	2.545.125.375	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.208.540.481	1.497.970.438
	33.247.388.590	22.748.243.193

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	590.242.660.746	366.450.255.227
	590.242.660.746	366.450.255.227

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn tại 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Ngân hàng	Tiền tệ	Lãi suất	30/6/2014	31/12/2013
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (i)	VND	5,5%	234,717,983,629	213,818,942,805
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (i)	USD	4%	-	2,541,652,529
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ii)	VND	5,5%	4,656,440,760	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	VND	5,3%	18,329,427,703	16,328,726,700
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (iii)	VND	5,3% - 5,4%	43,353,748,347	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	VND	4,9%	89,590,100,793	10,178,013,700
Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm hữu hạn - Chi nhánh Hà Nội (iii)	VND	5,25% - 5,5%	28,538,765,612	7,383,137,000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải phòng (iii)	VND	5,5%	124,388,228,141	49,616,399,619
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải phòng (iii)	VND	5,4%	46,667,965,761	66,583,382,874
			590,242,660,746	366,450,255,227

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1.409.987 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 1.790.535 triệu VND) bao gồm:

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 8), tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 9), và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 10);
- (ii) Các khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị ghi sổ của hàng tồn kho (Thuyết minh số 7);
- (iii) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.939.291.973
Thuế xuất, nhập khẩu	355.936.014	357.552.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.382.794.604	25.643.692.927
Thuế thu nhập cá nhân	888.752.234	3.143.683.968
	<u>16.627.482.852</u>	<u>36.084.221.270</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả nhà phân phối	53.163.181.361	47.831.394.794
Phải trả các nhà thầu	1.140.910.000	1.140.910.000
Chi phí vận chuyển	1.535.437.008	2.227.123.207
Lãi vay phải trả	937.106.119	755.892.398
Chi phí khác	768.459.999	1.368.506.681
	<u>57.545.094.487</u>	<u>53.323.827.080</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	7.168.933.500	7.594.429.000
Kinh phí công đoàn	1.402.086.014	1.425.929.105
Bảo hiểm	300.893.521	718.224.484
Các khoản phải trả khác	4.545.210.697	2.153.966.785
	<u>13.417.123.732</u>	<u>11.892.549.374</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2013	433.379.960.000	347.134.076.608	43.337.996.000	280.171.153.884	1.263.974.235	1.105.287.160.727		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	281.489.289.139	281.489.289.139		
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	136.611.732.735	-	-	(136.611.732.735)	-		
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(20.369.677.905)	(20.369.677.905)		
Trả cổ tức	-	-	-	-	(151.682.986.000)	(151.682.986.000)		
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)		
Khác	-	-	-	-	(97.227.705)	(1.263.974.235)	(1.361.201.940)	
Số dư tại 01/01/2014	433.379.960.000	483.745.809.343	43.337.996.000	248.898.818.678	-	1.209.362.584.021		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	151.604.642.343	151.604.642.343		
Tăng vốn (i)	130.013.988.000	(130.013.988.000)	-	-	-	-		
Trích quỹ từ lợi nhuận (ii)	-	113.418.294.596	13.001.398.800	(126.419.693.396)	-	-		
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(17.527.266.342)	(17.527.266.342)		
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và Ban kiểm soát (ii)	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)		
Trả cổ tức (iii)	-	-	-	-	(65.006.994.000)	(65.006.994.000)		
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	(2.514.530.143)	(2.514.530.143)		
Số dư tại 30/6/2014	563.393.948.000	467.150.115.939	56.339.394.800	186.034.977.140	-	1.272.918.435.879		

(i) Ngày 23 tháng 6 năm 2014, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ bằng phương thức phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 130.013.988.000 VND, tương ứng với số cổ phiếu phát hành thêm là 13.001.398 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 32/NQ-ĐHĐCĐTN/NTP ngày 19 tháng 4 năm 2014.

(ii) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 32/NQ-ĐHĐCĐTN/NTP ngày 19 tháng 4 năm 2014, cụ thể như sau: trích quỹ đầu tư phát triển là 113.418.295.596 VND, trích quỹ dự phòng tài chính là 13.001.398.800 VND (cho đủ 10% vốn điều lệ mới); trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 19.527.266.342 đồng (7% lợi nhuận sau thuế); và trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát là 3.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(iii) Công ty trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 32/NQ-ĐHĐCĐTN/NTP ngày 19 tháng 4 năm 2014 từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với tổng số tiền là 130.013.988.000 VND (30% vốn điều lệ). Trong đó, tạm ứng cổ tức đợt 1 là 65.006.994.000 VND trong tháng 12 năm 2013 và đợt 2 là 65.006.994.000 VND được trả sau Đại hội Cổ đông.

Cổ phiếu	30/6/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	56.339.395	43.337.996
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	56.339.395	43.337.996

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 ngày 30 tháng 12 năm 2004 và sửa đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 563.393.948.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư	30/6/2014	31/12/2013
Cổ đông	(%)	VND	VND
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	37,10	209.040.000.000	160.800.000.000
Các cổ đông khác	62,90	354.353.948.000	272.579.960.000
	100,00	563.393.948.000	433.379.960.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu bán sản phẩm	1.265.748.977.334	1.253.112.830.409
Doanh thu khác	136.467.940.219	6.845.022.169
	1.402.216.917.553	1.259.957.852.578
Giảm giá hàng bán	(2.714.926.434)	(2.120.865.709)
Doanh thu thuần	1.399.501.991.119	1.257.836.986.869

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Giá vốn bán sản phẩm	890.721.805.229	790.423.621.665
Giá vốn khác	137.698.082.525	6.901.840.469
	1.028.419.887.754	797.325.462.134

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	950.008.942.792	709.334.827.838
Chi phí nhân công	82.536.087.168	85.276.449.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.618.361.906	32.828.018.821
Chi phí cho nhà phân phối	116.586.267.761	128.636.605.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.584.697.104	31.631.721.288
Chi phí khác bằng tiền	14.018.238.205	66.615.186.720
	1.270.352.594.936	1.054.322.809.703

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	964.689.463	1.717.393.743
Lãi chênh lệch tỷ giá	75.827.153	223.425.576
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	50.553.490.013	-
	51.594.006.629	1.940.819.319

(*) Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ bao gồm lợi nhuận Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung chuyển về Công ty với số tiền là 50.053.715.013 VND.

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.916.806.766	9.048.922.061
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	276.488.282	2.052.460.992
	15.193.295.048	11.101.383.053

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	180.247.211.590	210.351.658.418
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(50.053.715.013)	-
Thu nhập chịu thuế	130.193.496.577	210.351.658.418
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.642.569.247	52.587.914.605

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ các ngành xây dựng và công nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	590.242.660.746	366.450.255.227
Trừ: Tiền và tương đương tiền	65.221.766.081	28.358.559.677
Nợ thuần	525.020.894.665	338.091.695.550
Vốn chủ sở hữu	1.272.918.435.879	1.209.362.584.021
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,4	0,3

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.221.766.081	28.358.559.677
Phải thu khách hàng và phải thu khác	644.080.978.185	505.179.434.372
Đầu tư dài hạn	1.600.000.000	1.600.000.000
Tổng cộng	710.902.744.266	535.137.994.049
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	590.242.660.746	366.450.255.227
Phải trả người bán và phải trả khác	89.206.073.327	90.059.714.722
Chi phí phải trả	57.545.094.487	53.323.827.080
Tổng cộng	736.993.828.560	509.833.797.029

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ	8.334.515.340	46.372.641.115	430.451.700	225.145.630

Số dư các khoản công nợ tài chính và tài sản tài chính có gốc ngoại tệ tại Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng công nợ tài chính và tài sản tài chính. Do vậy, việc thay đổi tỷ giá ngoại tệ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu tiền hàng đã quá hạn với số tiền khoảng 16,4 tỷ đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
30/6/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.221.766.081	-	65.221.766.081
Phải thu khách hàng và phải thu khác	644.080.978.185	-	644.080.978.185
Đầu tư dài hạn	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Tổng cộng	709.302.744.266	1.600.000.000	710.902.744.266
30/6/2014			
Các khoản vay	590.242.660.746	-	590.242.660.746
Phải trả người bán và phải trả khác	89.206.073.327	-	89.206.073.327
Chi phí phải trả	57.545.094.487	-	57.545.094.487
Tổng cộng	736.993.828.560	-	736.993.828.560
Chênh lệch thanh khoản thuần	(27.691.084.294)	1.600.000.000	(26.091.084.294)
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.358.559.677	-	28.358.559.677
Phải thu khách hàng và phải thu khác	505.179.434.372	-	505.179.434.372
Đầu tư dài hạn	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Tổng cộng	533.537.994.049	1.600.000.000	535.137.994.049
31/12/2013			
Các khoản vay	366.450.255.227	-	366.450.255.227
Phải trả người bán và phải trả khác	90.059.714.722	-	90.059.714.722
Chi phí phải trả	53.323.827.080	-	53.323.827.080
Tổng cộng	509.833.797.029	-	509.833.797.029
Chênh lệch thanh khoản thuần	23.704.197.020	1.600.000.000	25.304.197.020

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản không cao và nằm trong khả năng kiểm soát của Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và hỗ trợ tài chính bằng các khoản vay từ ngân hàng để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Công ty liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	Công ty liên quan khác

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	129.137.604.319	758.609.800
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	86.918.083.696	13.876.717.818
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	686.855.820	4.346.879.461
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	273.967.218.917	254.654.327.030
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	90.836.918.022	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	67.355.105.922	83.380.371.130
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	2.259.389.540	2.222.299.948
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	50.053.715.013	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	499.775.000	-

Số dư với các bên liên quan:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	162.416.880.704	115.429.035.878
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	87.457.621.695	24.393.536.087
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	82.289.302.244	74.652.708.439
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	843.334.308	316.136.471
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	16.163.508.503	11.234.016.201
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	419.311.200	521.372.082

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

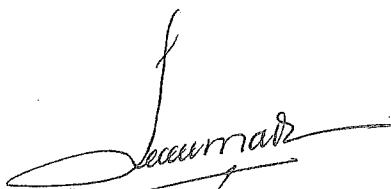
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	5.255.274.569	5.280.762.406

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kết quả công tác soát xét đề ngày 12 tháng 8 năm 2013.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 14 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lưu Thị Mai
Người lập biểu



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 8 năm 2014